

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐÔ THỊ GIA BẢO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐÔ THỊ GIA BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA BAO URBAN INVESTMENT  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GIA BAO URBAN INVESTMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108290449

**3. Ngày thành lập:** 24/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 33 Phố Huế, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.3913.1891

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6820(Chính) |
| 2.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2395        |
| 3.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2511        |
| 4.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592        |
| 5.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1622        |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4752        |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3320        |
| 8.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3600        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4220        |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322 |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;                                                                                                                                    | 4329 |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330 |
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Các công việc dưới bề mặt;<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;<br>- Thuê cần trục có người điều khiển.                                                                                                                                           | 4390 |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                       | 6810 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7320 |
| 22. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8129 |
| 23. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8130 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác. | 4663 |
| 25. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3700 |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100 |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:</li> <li>- Xây dựng đường hầm;</li> <li>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.</li> <li>- Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm.</li> <li>- Thi công và xử lý nền móng công trình</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4290 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321 |
| 30. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình cầu đường;</li> <li>- Thiết kế nội, ngoại thất công trình;</li> <li>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;</li> <li>- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng;</li> <li>- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;</li> <li>- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng;</li> <li>- Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;</li> <li>- Lập dự án;</li> <li>- Lập, thẩm tra dự toán;</li> <li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thẩm tra thiết kế xây dựng;</li> <li>- Khảo sát xây dựng;</li> <li>- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước;</li> <li>- Thiết kế điện công trình xây dựng công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Khảo sát địa chất công trình;</li> <li>- Khảo sát địa hình;</li> <li>- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư xây dựng;</li> </ul> | 7110 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐẶNG THU HÀ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 04/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181000956

Ngày cấp: 17/09/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P402-E5 tập thể Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P402-E5 tập thể Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐẶNG THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181000956

Ngày cấp: 17/09/2013

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P402-E5 tập thể Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P402-E5 tập thể Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội